TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

- Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
- Ngày: 16/08/2023
- V/v: " *Tranh chấp ly hôn* ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Danh Pì Sách.**
- *Các Hội Thẩm Nhân Dân*: 1. Ông **Hà Ứng Cương;**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Lâm Sển** - *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 253/2023/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 07 năm 2023, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Lê L**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Mong Thọ A, huyện Châu Th, Kiên Giang.

(Bà Lai có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Ông **Danh Thanh Tr**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Mong Thọ A, huyện Châu Th, Kiên Giang.

(Ông Trong vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Phạm Lê L trình bày: Tháng 9 năm 1998 bà có kết hôn với ông Danh Thanh Tr nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và chung sống với nhau hạnh phúc đến nay ông Danh Thanh Tr có tính chất bất đồng

với vợ con và cho rằng vợ con phải là người nuôi dưỡng phục vụ ông như người có công. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng ông Danh Thanh Trong không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi, ảnh hưởng đến tâm lý cũng như việc học của các con.

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có với nhau 03 người con chung tên Danh Kim T, sinh năm: 1992; Danh Kim Th, sinh năm: 1997; Danh Kim Thương M, sinh năm: 2007 hiện đang sống cùng bà L.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có tạo lập được một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng bà không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Lai xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt nên bà làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Danh Thanh T.

- Về con chung: Ông bà có với nhau 03 người con chung tên Danh Kim T, sinh năm: 1992; Danh Kim Th, sinh năm: 1997 cả hai hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với người con chung tên Danh Kim Thương M, sinh năm: 2007 hiện đang sống cùng bà L, bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Danh Thanh Tr trình bày: Vào tháng 09 năm 1988 ông và bà Phạm Lê L có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống ông bà có với nhau 03 người con chung tên Danh Kim Tuyết, sinh năm: 1992; Danh Kim Thương, sinh năm: 1997; hiện nay đã trưởng thành, đối với người con tên Danh Kim Thương M, sinh năm: 2007 hiện đang sống cùng bà L.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có tạo lập được một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định vợ chồng ông bà không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nguyên nhân mâu thuẫn do thời gian đầu vợ chồng ông sống với nhau rất hạnh phúc nhưng có một lần cách đây hơn nữa tháng ông và vợ có cự cãi vì cho rằng bà Lai đã đi nói với người tên Dũng là ông đã nói ông Dũng vứt rác vô nhà ông.

Nay bà Lai làm đơn xin ly hôn với ông thì ý kiến của ông như sau:

- Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Phạm Lê Lai vì ông cho rằng ông và vợ không có mâu thuẫn gì với nhau.

- Về việc nuôi con chung: Ông bà có với nhau 03 người con chung tên Danh Kim Tuyết, sinh năm: 1992; Danh Kim Thương, sinh năm: 1997 cả hai hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với người con chung tên Danh Kim Thương Mãi, sinh năm: 2007 hiện đang sống cùng bà Lai, tùy theo nguyện vọng của con, nếu sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu Mãi có nguyện vọng sống với ông thì ông nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Lai cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Lê Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

[1.1] - Về thẩm quyền: Bà Phạm Lê L xin được ly hôn với ông Danh Thanh Tr nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] - Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Danh Thanh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] - Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Lê L và ông Danh Thanh Tr trình bày: Vào tháng 09 năm 1988 bà Phạm Lê L và ông Danh Thanh Tr có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Và tại biên bản xác nhận ngày 12/07/2023 của UBND xã Mong Thọ A xác nhận từ tháng 09 năm 1988 đến nay bà Lai và ông Trong có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã là thật. Nên hôn nhân giữa bà Lai và ông Trong không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“ Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Từ những căn cứ trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa bà Phạm Lê Lai và ông Danh Thanh Trong là vợ chồng.

[3] - Về quan hệ con chung: Bà Phạm Lê Lai và ông Danh Thanh Trong xác định trong quá trình chung sống ông bà có với nhau 03 người con chung tên Danh Kim Tuyết, sinh năm: 1992; Danh Kim Thương, sinh năm: 1997 cả hai hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với người con chung tên Danh Kim Thương Mãi, sinh ngày 08/02/2007 ông Trong thống nhất giao người con chung tên Danh Kim Thương Mãi, sinh ngày cho bà Lai nuôi dưỡng và tại biên bản ghi ý kiến và nguyên vọng ngày 31/07/2023 thì cháu Mãi có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên giao cháu Mãi cho bà Lai nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà Lai không yêu cầu ông Trong cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] - Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Lê Lai và ông Danh Thanh Trong xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] - Về quan hệ nợ chung: Bà Phạm Lê Lai và ông Danh Thanh Trong xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[6] - Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là đúng pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[7] - Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Buộc bà Phạm Lê L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Lai được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng bà Thu đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000892, ngày 14/07/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 53, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Lê Lai về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Danh Thanh Tr.

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Phạm Lê Lai và ông Danh Thanh Tr là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Đối với 02 người con tên Danh Kim T, sinh năm: 1992; Danh Kim Th, sinh năm: 1997, hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Danh Kim Thương M, sinh ngày 08/02/2007 cho bà Lai nuôi dưỡng, bà Lai không yêu cầu ông Trong cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Ông Trong có quyền tới lui, thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Lê L và ông Danh Thanh Tr xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà Phạm Lê L và ông Danh Thanh Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

5. Về án phí: Buộc bà Phạm Lê L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng bà Thu đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000892, ngày 14/07/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*